“CÁI GÌ ĐÂY KỲ NÀY”: VỀ MỘT TRUYỆN NGẮN VỪA ĐOẠT GIẢI NHÌ CỦA BÁO VĂN NGHỆ (PHẦN 3)

**Hà Thanh Vân**

**MỘT VÀI KHÁI NIỆM VỀ LÝ THUYẾT TIẾP NHẬN**

Nghiên cứu văn học dưới góc nhìn của độc giả xuất hiện từ vài chục năm nay, thường được biết đến với cái tên chung phổ biến là “Reception theory” (Lý thuyết tiếp nhận). Xuất hiện ở Đức với tên gọi “Rezeptionsästhetik” (Mỹ học Tiếp nhận) hay còn gọi là trường phái Konstanz (theo tên trường đại học Konstanz) với hai nhà lập thuyết tiêu biểu là Hans Robert Jauss (1921- 1997) và Wolfgang Iser (1926 - 2007). Ở Mỹ thường được gọi là “Reader Response Criticism” (Phê bình phản hồi của độc giả) với những tên tuổi như Stanley Fish, Norman N. Holland, Louise Rosenblatt, Jonathan Culler…

Ở đây tôi muốn nhìn góc độ lý thuyết của Wolfgang Iser để nói về phản ứng của độc giả. Cụ thể, lý thuyết của Wolfgang Iser được thể hiện qua nhiều tác phẩm của ông, nhưng hai tác phẩm “Der Akt des Lesens: Theorie ästhetischer Wirkung” (Hành động đọc: Lý luận phản ứng thẩm mỹ, xuất bản năm 1976) và “Das Fiktive und das Imaginäre. Perspektiven literarischer Anthropologie” (Hư cấu và tưởng tượng: ranh giới của nhân học văn học, xuất bản 1991) là tập trung nhiều vào nghiên cứu phản ứng của độc giả.

Vấn đề trọng tâm mà Iser nghiên cứu là mối quan hệ giữa văn bản và độc giả. Ông muốn trả lời cho câu hỏi nghiên cứu: Văn bản thu hút độc giả bằng những yếu tố nào? Độc giả phản ứng như thế nào khi đọc văn bản và tại sao lại phản ứng như vậy?

Lý thuyết phê bình phản hồi của người đọc đúng như tên gọi, “response” trong tiếng Anh là sự phản hồi, hưởng ứng, hồi đáp… “Reader response theory” là lý thuyết nghiên cứu về những sự phản hồi của người đọc khi đọc các tác phẩm văn chương. Từ trước đến giờ, các lý thuyết nghiên cứu văn học truyền thống chú trọng vào nghiên cứu tiểu sử nhà văn, hoàn cảnh lịch sử khiến tác phẩm ra đời, nghiên cứu nội dung và nghệ thuật của tác phẩm văn học, nghiên cứu các khuynh hướng, trường phái văn học… Nhưng từ thập niên 70 của thế kỷ XX, người đọc tác phẩm trở thành một yếu tố nghiên cứu quan trọng.

Khi cùng bàn luận về một tác phẩm, luôn có những ý kiến khác nhau. Đó là lẽ bình thường. Các con số là tuyệt đối nhưng đặt nó trong mối tương quan với con người thì sự cảm nhận lại không giống nhau. Có thể đối với một người, 1000 cuốn sách là rất nhiều, đối với người thứ hai, là vô cùng nhiều, nhưng đối với người thứ ba là bình thường và đối với người thứ tư thì là ít. Các con số đo đếm được đã là như vậy, huống chi là các cuốn sách hay tác phẩm văn học. Nếu trong đời sống xã hội, mọi hành động con người đều phải tuân thủ theo một số quy tắc nhất định, thì trong tư duy, trong cảm nghĩ, con người được tự do tuyệt đối. Nhưng thể hiện tư duy, cảm nghĩ ấy ra ngoài như thế nào thì lại do chính con người chọn lựa để cho phù hợp với xã hội đang sống và ngược lại, chính những tiêu chuẩn của xã hội đang sống cũng tác động đến sự lựa chọn đó.

Nhận xét về sách hay tác phẩm văn học cũng là một trong những hoạt động tư duy tự do tuyệt đối. Đọc một tác phẩm, chúng ta có thể vừa suy nghĩ, vừa cảm nghĩ về nó. Mà con người luôn tồn tại như những cá thể độc lập trong tư duy (dù xã hội vẫn tồn tại không ít người nghĩ theo tư duy của người khác). Cùng một tác phẩm có thể có vô vàn ý kiến khen chê khác nhau, bởi lẽ các suy nghĩ của con người có thể rất khác nhau. Cho nên chúng ta có ý kiến khác nhau về một tác phẩm cũng là lẽ thường tình.

Chính vì quan tâm đến sự đánh giá khác nhau của người đọc đối với tác phẩm văn học, nên trong nghiên cứu văn học, có một lĩnh vực gọi là lý thuyết tiếp nhận văn học. Tiếp nhận văn học sử dụng nhiều công cụ nghiên cứu của xã hội học và xét trên một phương diện nào đó, nó gần gũi với ngành nghiên cứu xã hội học văn học. Trong tiếp nhận văn học, có nhiều nội dung khác nhau, chẳng hạn như đề cập đến quan hệ giữa sản xuất và tiêu dùng như là cơ sở lý luận của mối quan hệ giữa sáng tác và tiếp nhận văn học. Hoặc là xét đến mối quan hệ theo trình tự: tác giả - tác phẩm - người đọc với những khái niệm chuyên biệt như: người đọc, người tiếp nhận, người đọc hiện thực, người đọc lý tưởng, người đọc hư tưởng v.v… Tiếp nhận văn học cũng đề cập đến vai trò tích cực của người đọc, sự tương tác giữa người đọc và tác phẩm, các kiểu tiếp nhận tác phẩm, các cấp độ tiếp nhận, các điều kiện tiếp nhận, tiếp nhận văn học như là một quá trình…

Tác phẩm văn học được tác giả sáng tác không phải chỉ để dành riêng cho mình mà để dành cho một hoạt động đặc biệt, tức là hoạt động đọc của con người. Người đọc tiếp nhận tác phẩm văn học với những động lực và nhu cầu khác nhau. Phổ biến nhất là nhu cầu giải trí, sau đó là đến nhu cầu hiểu biết, nhu cầu phát hiện, đánh giá, nhận xét, bình luận. Do vậy, khi tiếp nhận văn học người đọc thường luôn ở thái độ chủ động, tích cực và có quyền lựa chọn tác phẩm này hay tác phẩm kia.

Tính chủ quan luôn là tiền đề cho mọi hoạt động đọc của con người. Người đọc tiếp nhận tác phẩm với những tâm trạng buồn vui khác nhau, có trình độ văn hóa khác nhau, xuất thân từ những nghề nghiệp khác nhau, có độ tuổi và giới tính khác nhau, có thái độ khác nhau và ở sống những thời điểm khác nhau trong lịch sử. Kết quả là có bao nhiêu người đọc một tác phẩm, thì sẽ bấy nhiêu cách tiếp nhận. Người khen, kẻ chê, người thì hứng thú với chi tiết này, người thì khó chịu với chi tiết kia. Có những cách tiếp nhận sâu sắc, cũng có những cách tiếp nhận hời hợt, nhưng nói chung, mọi người đều có quyền xây dựng những cách hiểu riêng của mình về tác phẩm. Và rất nhiều khi, các cách hiểu riêng ấy lại trùng hợp với nhau. Khi ấy tác phẩm văn học thường được số đông đồng ý cho là hay (hoặc dở). Mặt khác, khi đến với một tác phẩm văn học, người đọc thường có sẵn một "tầm đón nhận", tức là những thị hiếu có sẵn trước khi đọc một tác phẩm nào đó, phụ thuộc vào sự hiểu biết, tri thức cá nhân, tình cảm, quan niệm, lứa tuổi, giới tính... Do vậy sẽ xảy ra hiện tượng là thấy cuốn sách này hay vì phù hợp với tầm đón nhận của mình, hoặc thấy không hay, thấy lúng túng vì xa lạ với tầm đón nhận sẵn có. Nhưng tầm đón nhận cũng sẽ thường xuyên thay đổi thông qua việc đọc tác phẩm văn học, cho nên ở những thời điểm khác nhau, người đọc có thể có những đánh giá khác nhau về cùng một tác phẩm.

Có một quan niệm tồn tại ở một số nhà văn và độc giả Việt Nam, còn sâu sắc đến mức nào thì có lẽ cần một cuộc khảo sát điều tra xã hội học văn học cho rõ ràng hơn, đó là quan niệm cho rằng nghề văn là một nghề cao quý và đặc thù hơn những nghề nghiệp khác. Tôi vừa đồng ý vừa không đồng ý với cách nhìn này. Tôi cho rằng nghề văn là một nghề có tính chất lao động đặc thù do đó là lao động nghệ thuật, nhưng đó cũng là một nghề nghiệp như bao nhiêu nghề khác và khi nhà văn đã muốn công bố tác phẩm của mình ra công chúng để đổi lấy lợi ích vật chất (tiền bạc) và tinh thần (danh tiếng), thì nhà văn cũng sẽ phải chịu sự phán xét của công chúng về sản phẩm của mình. Nhưng văn chương thì không như định mức KPI để đánh giá, cũng chẳng có chuẩn mực riêng để đánh giá cho mỗi tác phẩm riêng. Cho nên việc đánh giá khác nhau về tác phẩm hay sản phẩm của nhà văn là điều hết sức bình thường với đủ mọi kiểu “tầm đón nhận” của độc giả. Nhà văn phải biết và học cách chấp nhận những đánh giá khác nhau đấy để hiểu thêm về thị hiếu đọc của công chúng và có thể từ đó mà điều chỉnh lại cách viết của mình trong những tác phẩm sau. Khi nhà văn đã bán tác phẩm, nhà văn cũng chỉ là một người đi tìm khách hàng cho mình và xin đừng nhân danh nghề của mình là cao quý hơn người để coi thường khách hàng. Còn nếu không làm được điều đó, không viết được cho khách hàng (độc giả) thì nhà văn chỉ có cách là đừng bán tác phẩm nữa.

Vậy tại sao một số nhà văn và độc giả lại có tư duy cho rằng nghề văn là một nghề “hơn người” như vậy? Đây là do ảnh hưởng từ suốt chiều dài lịch sử văn chương truyền thống của Việt Nam nói riêng và ở nhiều nước phương Đông nói chung. Khi ấy quan điểm “sĩ nông công thương” phổ biến vì một lẽ đơn giản: những ai biết chữ thì đều có cơ hội đi thi, đỗ đạt, ra làm quan hay ít ra cũng làm thầy đồ dạy học. Thời trung đại, có mấy người biết chữ Hán, chữ Nôm? Và ai là người làm thơ, làm văn? Họ toàn là quan lại, vua chúa, hay ít ra cũng là nhà nho. Họ được người dân kính nể, tôn trọng có phải chỉ vì họ biết chữ, họ là nhà văn, nhà thơ đâu, mà còn vì địa vị xã hội cao ngất ngưởng của họ so với dân đen. Nếu nói nhà thơ có tước và chức Du Đức Hầu, Cần Chánh điện học sĩ, Lễ bộ Hữu Tham tri, người thời nay mấy ai biết đấy là Nguyễn Du. Nếu nói nhà thơ có chức Tham tri bộ Binh, Tổng đốc, Phủ doãn phủ Thừa Thiên, người đời nay mấy ai biết đó là Nguyễn Công Trứ? Thơ văn của họ viết để làm gì? Chỉ có hai mục đích: Một là văn quan phương, để phục vụ cho triều đình, công việc như Nguyễn Trãi viết “Đại cáo bình Ngô”. Hai là để “văn dĩ tải đạo, thi dĩ ngôn chí”, hay cùng lắm là “mua vui cũng được một vài trống canh” như Nguyễn Du kết thúc “Truyện Kiều”. Có ai dùng văn chương để bán đâu, bởi vì độc giả của họ cũng chính là bạn bè xung quanh họ, là tri âm, tri kỷ của họ. Họ làm văn, làm thơ còn để thù tạc, tặng nhau, đáp lễ… Mà có muốn bán cũng khó lòng vì thời đó có mấy độc giả biết chữ đâu. Độc giả của họ lúc đó cũng là những độc giả cùng tầng lớp, cùng tầm đón nhận, thậm chí có những mối quan hệ quen biết, qua lại ngoài đời. Sự tiếp nhận tác phẩm, sự đồng cảm với những phát ngôn của nhà văn cũng dựa trên sự tri âm, tri kỷ, thấu hiểu lẫn nhau, hiểu được và đồng cảm với “cái tầm” của nhau.

Sang đến thế kỷ XX, cùng với văn minh phương Tây du nhập, sự lớn mạnh chính thống của chữ quốc ngữ, sự hình thành và phát triển các đô thị cùng các tầng lớp thị dân v.v… (những điều này đã nói nhiều trong các sách lịch sử văn học) thì chúng ta phải thừa nhận rằng các nhà văn đã không còn lối sáng tác như thời trung đại. Làm gì còn thứ văn chương miễn phí cho độc giả nữa. Tản Đà với tuyên bố bán văn chương lừng lẫy cùng với sự nghiệp nhiều phen sống dựa vào các Mạnh Thường Quân là một minh chứng điển hình. Thế nhưng trong suốt thế kỷ XX, nhà văn đối với độc giả Việt Nam vẫn là một con người được phủ lên vầng hào quang huyền thoại của chữ nghĩa bởi lẽ với những thông tin ít ỏi từ báo chí, rồi do môi trường, hoàn cảnh sống, do điều kiện lịch sử xã hội… nên công chúng rất ít có dịp tiếp cận nhà văn mà chỉ biết đến họ qua các tác phẩm. Một cuộc nói chuyện của nhà văn với công chúng ở trường học, công ty, nhà máy… cũng thành một sự kiện nổi bật và nhiều giai thoại văn học ra đời cũng từ đó. Sự bao cấp trong một thời gian dài cũng đã khiến cho nhiều nhà văn và cả độc giả tự cho rằng nghề văn là một nghề đặc biệt, một nghề nhận được sự đãi ngộ, biệt đãi của nhà nước, của những người xung quanh.

Cũng chính vì thế, mới có những người bằng mọi giá phải giành các giải thưởng, phải ngoi lên mặt báo, phải trở thành nhà văn, bởi vì họ cần vầng hào quang ảo cho rằng văn chương là một nghề vẻ vang, danh giá, là người của công chúng. Không, văn chương có thể là một nghề nghiệp, hay một sở thích, chứ chưa bao giờ là một vầng hào quang để mang lại danh vọng đối với những người viết văn chân chính.

Tháng 11 năm 1997 Internet chính thức vào Việt Nam, sau đó là sự bùng nổ của các forum (diễn đàn), blog, và bây giờ là mạng xã hội. Bên cạnh đó là sự bùng nổ của truyền thông, báo chí cùng với sự phát triển về mọi mặt của xã hội Việt Nam. Đầu óc của chúng ta, thời gian của chúng ta cũng vẫn như thế, nhưng lượng thông tin mà chúng ta phải đón nhận mỗi ngày thì tăng nhiều so với trước ở một mức độ khủng khiếp. Từ đó phát sinh ra khái niệm “lật và lướt” thông tin và những thông tin gì hot, có tính gây sốc thì mới khiến người ta dừng lại đôi chút. Nhưng những vấn đề thuộc về truyền thông thì tôi sẽ quay lại bàn ở một dịp khác. Ở đây tôi chỉ nói vào một điểm dễ nhận ra ngay là khi mạng xã hội phổ biến ở Việt Nam, nhà văn tham gia trên đó có nghĩa là đã chấp nhận mình phải hòa vào với văn hóa mạng và bỏ đi vầng hào quang mờ ảo có được từ sự “cách xa” độc giả. Ngày trước nhà văn chỉ được độc giả biết đến qua tác phẩm, qua những dòng tiểu sử chính thức, qua vài bài phỏng vấn, hay qua hồi ký… Còn ngày nay, nhờ mạng xã hội, nhà văn đẹp trai hay xấu gái, đi chơi ở đâu, nhậu với ai ở quán nào vào lúc nào, ăn tối với ai, yêu ai, ghét ai, mới mua cái gì, mới chửi nhau với ai, phát ngôn câu gì, hôm nay buồn ra sao, quảng cáo cho thuốc gì, trung tâm gia sư nào v.v… đều được công chúng biết rõ, thậm chí công chúng còn tham gia hết sức tích cực vào quá trình “giải thiêng” chân dung nhà văn. Đương nhiên nhà văn cũng biến trang mạng xã hội của mình thành một kênh để quảng bá chính bản thân mình và tác phẩm của mình. Và dĩ nhiên sẽ có người quảng bá khéo, có người vụng, có người chiêu trò, có người gây sốc v.v… Tất cả đều nhằm đến mục đích vật chất (bán tác phẩm kiếm tiền) và tinh thần (mang lại danh tiếng). Đây là điều tích cực mà mạng xã hội mang lại cho nhà văn. Nhưng điều gì cũng có hai mặt như một câu ngạn ngữ phương Tây nói: “Tấm huân chương nào cũng có mặt trái”, việc sử dụng mạng xã hội như một kênh quảng bá cho mình thì cũng phải chấp nhận sự phán xét nhiều phía, nhiều chiều, từ nhiều tầm đón nhận của độc giả. Nhà văn phải chấp nhận sự “giải thiêng” chính mình nếu chọn cách bộc lộ con người mình trước đám đông.

Như vậy nhà văn cần phải đủ kiến văn, đủ khôn ngoan, đủ tỉnh táo khi sử dụng mạng xã hội để tìm đến công chúng và cũng phải có một tâm lý đủ vững vàng để đón nhận những cách nhìn khác nhau về chính nhà văn, về phát ngôn, về tác phẩm của mình. Khi mà công chúng chỉ biết đến nhà văn qua tác phẩm, họ chỉ có thể nhận xét tác phẩm của nhà văn. Nhưng khi nhà văn chọn mạng xã hội và các phương tiện truyền thông để “phơi mình” qua các cuộc giao lưu, trò chuyện, phỏng vấn, phát ngôn… thì công chúng lúc ấy lại có quyền đánh giá quan điểm của nhà văn hay thậm chí cả tư cách của nhà văn. Đây là một thực tế của thời đại số mà nhà văn phải chấp nhận! Một nhà văn dũng cảm sẽ không điện thoại cầu cứu lung tung một số nhà văn khác, khi mà tôi lên bài “phím nghiệp” tác phẩm của họ. Một nhà văn khi viết ra tác phẩm hay viết tác phẩm bằng những cách thức khác, thì cũng cần chịu trách nhiệm về chính tác phẩm mang tên mình là tác giả.

Còn đương nhiên đánh giá tác phẩm như thế nào, khen hay chê là cảm nhận của mỗi người và tác giả văn chương có quyền viết theo phong cách mình muốn, sống theo cách mình thích và mong đợi, tùy vào khả năng sáng tác của mình, cũng tương tự như Ban Giám khảo các cuộc thi văn chương có quyền trao giải cho những tác phẩm mình đánh giá cao. Đời sống văn chương luôn sôi động và chính sự đa dạng trong cách viết cũng như cách đánh giá, nhìn nhận tác phẩm văn chương, nhà văn và những quan điểm của họ là điều tất yếu để tạo nên sự sôi động đó.